

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương,
Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 119/2026/UBTVQH15 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026 và Báo cáo số 76-BC/ĐU của Đảng ủy Bộ Tư pháp, thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Kết luận 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025;

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025;

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

- Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/04/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2018 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đặt ra nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế nhà nước.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Khoản 2 Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 51, Điều 52 Hiến pháp năm 2013;

- Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

- Khoản 1 Điều 7; Khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

- Điều 12 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15

- Bộ luật Hình sự 2015.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

(Chi tiết các nội dung về cơ sở chính trị, pháp lý được thể hiện tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cảnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng gửi kèm).

2. Cơ sở thực tiễn

Tại Tờ trình số 109/TTr-BTP ngày 19/7/2025 của Bộ Tư pháp và Tờ trình số 724/TTr-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ đề xuất đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026, việc sửa đổi các Luật trong năm 2026 chỉ tập trung vào rà soát,

nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại tại các Luật và rà soát các “điểm nghẽn” trong quá trình thực thi các Luật. Đối với việc xem xét sửa đổi toàn diện Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương đã được đưa vào Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI kèm theo Tờ trình Bộ Chính trị số 21-TTr/ĐUQH ngày 17/3/2026 của Đảng ủy Quốc hội, trong đó đề xuất nhiệm vụ rà soát Luật Thương mại trong năm 2027 để xem xét đưa vào Chương trình lập pháp năm 2028 và rà soát Luật Quản lý ngoại thương năm 2028 để xem xét đưa vào Chương trình lập pháp năm 2029.

Theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cần được rà soát, sửa đổi, bổ sung để bảo đảm hiệu lực thi hành đồng bộ từ ngày 01 tháng 3 năm 2027. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện dự án Luật trong năm 2026 là yêu cầu cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật trước mốc thời gian nêu trên.

2.1. Về thể chế hóa ổn định, bền vững việc phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương

Trong giai đoạn vừa qua, công tác phân cấp, phân quyền đã được triển khai quyết liệt theo chủ trương “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Theo Báo cáo số 59-BC/ĐU ngày 15/9/2025 của Đảng ủy Chính phủ và Báo cáo số 11296/BC-BNV ngày 27/11/2015 của Bộ Nội vụ, chỉ trong một thời gian ngắn (từ tháng 6 đến tháng 8/2025), các Bộ ngành đã tham mưu ban hành 120 nghị định, nghị quyết quy phạm pháp luật và 66 thông tư có chứa nội dung về phân cấp, phân quyền với tổng cộng 1.377 nhiệm vụ, trong đó 949 nhiệm vụ được phân cho chính quyền địa phương. Tính đến cuối tháng 8/2025, tỷ lệ phân quyền, phân cấp của Bộ Công Thương đạt 55,7%, tiệm cận mức trung bình chung của Chính phủ (56%).

Qua đánh giá của các địa phương đối với 949 nhiệm vụ được giao, có 584 nhiệm vụ (chiếm 61,54%) được khẳng định là bảo đảm tính khả thi để thực hiện ngay. Theo đó, việc phân cấp đã giúp tạo ra cơ chế quản lý linh hoạt, sát thực tiễn, rút ngắn đáng kể quy trình hành chính và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời, giúp tinh gọn bộ máy và giảm áp lực cho các cơ quan Trung ương¹.

Sau 8 tháng triển khai, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 01/07/2025) đã phân cấp hơn 52% nhiệm vụ (tương đương 208/401 nhiệm vụ) từ Trung ương về cho địa phương. Trong đó, số nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp về cho địa phương tại 04 luật là 33 nhiệm vụ gồm: Thương mại (04 nhiệm vụ), Quản lý ngoại thương (08 nhiệm vụ), Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (21 nhiệm vụ). Các nhiệm vụ này theo các Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ và Bộ Nội vụ được đánh giá là phù hợp, các địa phương cơ bản không gặp vướng mắc bất cập trong tổ chức thực hiện.

¹ Báo cáo số 11296/BC-BNV ngày 27/11/1015 của Bộ Nội vụ đánh giá tính khả thi đối với nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương.

Trong bối cảnh đó, việc điều chỉnh thẩm quyền quản lý nhà nước nhằm hiện thực hoá nội dung phân quyền, phân cấp đã được quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, trong đó có Luật Thương mại 2005, Luật Quản lý ngoại thương 2017, Luật Cạnh tranh 2018, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 là cần thiết.

2.2. Về cải cách thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh

2.2.1. Về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh

Ngày 21 tháng 12 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 242/CD-TTg về việc tập trung hoàn thành mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ giao các Bộ "*Khẩn trương rà soát để bãi bỏ ngay các điều kiện kinh doanh đối với những ngành, nghề đã được đưa ra khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.*"

Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2025, ngành nghề kinh doanh dịch vụ giám định thương mại đã được bãi bỏ khỏi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Việc bãi bỏ này thể hiện chủ trương tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giảm thiểu rào cản gia nhập thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường, đồng thời phù hợp với định hướng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết.

2.2.2. Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Bộ Công Thương đã rà soát và bổ sung thêm các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP cụ thể:

*** Thủ tục quy định tại Luật Thương mại:**

(i) Bãi bỏ thủ tục chấp thuận hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài (mã TTHC: 1.013772);

(ii) Bãi bỏ thủ tục chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài (mã TTHC: 1.013773);

*** Thủ tục quy định tại Luật Quản lý ngoại thương:**

(i) Bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép gia công đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 2.001189);

(ii) Bãi bỏ thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép gia công hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 1.002853);

Đồng thời, đơn giản hóa các thủ tục:

(i) Thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục

cắm xuất khẩu, cắm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (mã TTHC: 1.013770).

(ii) Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (mã TTHC: 1.000957)

(iii) Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (mã TTHC: 1.000905)

(iv) Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh (mã TTHC: 1.013778).

* Thủ tục quy định tại Luật Cạnh tranh

(i) Thủ tục đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

(ii) Thủ tục thông báo tập trung kinh tế

Đơn giản hóa về hồ sơ, thời gian, thủ tục và mở rộng các trường hợp được miễn trừ thực hiện thủ tục tập trung kinh tế. Theo đó, mở rộng miễn trừ thông báo tập trung kinh tế trong một số trường hợp như công ty mẹ tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con; một số trường hợp tái cấu trúc nội bộ của các doanh nghiệp cùng thuộc một nhóm công ty... Bên cạnh đó, quy định về thành phần hồ sơ thông báo tập trung kinh tế và thủ tục tham vấn trong quá trình thẩm định hồ sơ thông báo tập trung kinh tế sẽ được đơn giản hóa theo các phương án đã ban hành tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, đối với trường hợp Bộ Công Thương ban hành quyết định về việc tập trung kinh tế có điều kiện, pháp luật hiện hành không có quy định về thời hạn thực hiện các điều kiện theo quyết định này dẫn tới một số trường hợp khi bối cảnh đã thay đổi, việc áp dụng các điều kiện này không còn phù hợp, doanh nghiệp vẫn phải thực hiện.

2.3. Thực tiễn từ các khó khăn, vướng mắc trong quy định của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Căn cứ Báo cáo số 76-BC/ĐU ngày 02 tháng 8 năm 2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, trong đó đối với lĩnh vực thuộc phạm vi phụ trách của Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật đã có ý kiến đồng tình với kiến nghị của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo và các cơ quan có liên quan về quan điểm, phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật đã được xác định theo Thông báo 08-TB/BCĐTW ngày 5/8/2025 về kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật.

Bên cạnh đó, qua rà soát, đánh giá quá trình thực thi Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ Công Thương nhận thấy còn tồn tại một số hạn chế, bất cập, cụ thể như sau:

a) Đối với Luật Thương mại

Qua thực tiễn triển khai, Bộ Công Thương nhận thấy còn phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc, gồm:

(i) Tình trạng chông chéo giữa quy định của Luật Thương mại và Luật Đầu tư về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

(ii) Các quy định liên quan đến độc quyền nhà nước đã chưa phù hợp với tinh thần mở rộng quyền tự do kinh doanh và thẩm quyền của Chính phủ;

(iii) Một số quy định về hợp đồng và giải quyết tranh chấp còn chông chéo với quy định của Bộ luật Dân sự, quy định về đấu giá tài sản cũng đã được quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

(iv) Các quy định liên quan đến hàng giả còn bộc lộ nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng. Trong quá trình triển khai xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 98/2020/NĐ-CP nêu trên, Bộ Công Thương đã thực hiện tổng kết thi hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP, trên cơ sở báo cáo tổng kết của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc, Bộ Công Thương đã tổng hợp và xây dựng Báo cáo số 387/BC-BCT ngày 05/11/2025 tổng kết việc thi hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP trong đó có nội dung liên quan đến khái niệm hàng giả, hàng cấm và các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm.

Tại Thông báo số 27/TB-VPCP ngày 14/01/2026 của Văn phòng Chính phủ kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 của Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, trong đó, một trong những phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và thời gian tới bao gồm: *“Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tư pháp, Công an, Tài chính, Y tế, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất việc bổ sung khái niệm “hàng giả” vào văn bản Luật; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm 2026.”*

b) Luật Quản lý ngoại thương

(i) Thực tiễn phát sinh nhiều trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu tái nhập khẩu hàng hóa do chính mình sản xuất, đã xuất khẩu (để sửa chữa, bảo hành, hoàn thiện rồi tiếp tục xuất khẩu sang thị trường khác), hoặc tái nhập khẩu hàng hóa bị trả lại hay không tiêu thụ được ở nước ngoài. Luật Quản lý ngoại thương hiện chưa có cơ chế cho phép doanh nghiệp nhập khẩu lại hàng hóa do chính mình đã xuất khẩu (bao gồm cả hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu) để nâng cấp, điều chỉnh, bảo hành, bảo dưỡng rồi tái xuất hoặc trả lại khách hàng; đồng thời chưa quy định thẩm quyền cho Chính phủ quyết định việc áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương trong các trường hợp này. Việc hoàn thiện các quy định này là cần thiết nhằm tăng tính linh hoạt trong quản lý, đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

(ii) Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hiện được phân quyền cho Bộ

trường Bộ Công Thương và UBND cấp tỉnh. Do đó, cần bảo đảm tiêu chí chung và sự thống nhất của hệ thống cơ quan cấp C/O và cấp văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên toàn quốc, vừa duy trì uy tín của Việt Nam đối với các đối tác FTA, vừa bảo đảm việc thực hiện thủ tục cấp C/O được thông suốt, minh bạch và thuận lợi cho thương nhân.

(iii) Thực hiện các cam kết quốc tế, đặc biệt là Hiệp định CPTPP, đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu. Tuy nhiên, Luật Quản lý ngoại thương hiện mới quy định cơ chế chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, chưa quy định đối với hàng hóa nhập khẩu, cũng như chưa có cơ chế phân quyền và trách nhiệm quản lý đối với nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu tại Luật. Việc bổ sung các quy định này sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện cam kết quốc tế, đồng thời thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

(iv) Đề xuất sửa khái niệm Giấy chứng nhận lưu hành tự do theo hướng bỏ cụm từ “nhà nước” và thêm cụm từ “tổ chức” để đảm bảo cơ quan có thẩm quyền cấp CFS vừa là cơ quan nhà nước, vừa là các tổ chức ngoài nhà nước cấp tại khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương nhằm phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và tạo thuận lợi thương mại.

c) Đối với Luật Cạnh tranh

Quá trình tổ chức thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 trong thời gian qua cho thấy, mặc dù Luật đã góp phần quan trọng trong việc hình thành và bảo vệ môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh, song thực tiễn đã phát sinh nhiều bất cập, vướng mắc.

(i) Thực tiễn áp dụng pháp luật cạnh tranh cho thấy nhiều hành vi vi phạm được thực hiện thông qua vai trò trung gian, giúp sức, hỗ trợ hoặc tạo điều kiện của các tổ chức, cá nhân không trực tiếp kinh doanh hoặc không trực tiếp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa nhận diện và điều chỉnh đầy đủ vai trò của chủ thể “giúp sức”, dẫn đến khoảng trống pháp lý, gây khó khăn cho việc phát hiện, xử lý vi phạm và chưa bảo đảm xử lý toàn diện, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm.

(ii) Các nền tảng số lớn đang làm thay đổi cách thức vận hành thị trường và tính cạnh tranh trên thị trường. Thực tiễn giám sát thị trường cho thấy các nền tảng số có sức mạnh thị trường đáng kể có khả năng chi phối hoạt động của người sử dụng và người dùng kinh doanh thông qua cơ chế vận hành, thiết kế nền tảng và các điều kiện, nghĩa vụ áp đặt trong quá trình sử dụng. Mặc dù Luật Cạnh tranh đã quy định các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền, song chưa có các quy định cụ thể điều chỉnh các hành vi đặc thù trong môi trường nền tảng số như tự ưu tiên, phân biệt đối xử, ràng buộc sử dụng dịch vụ, cản trở dịch vụ thay thế, can thiệp cơ chế xếp hạng hoặc lạm dụng dữ liệu.

Ngoài ra, các quy định hiện hành về xác định thị trường liên quan, thị phần và sức mạnh thị trường chủ yếu dựa trên nền tảng lý luận của thị trường truyền thống (giá cả, doanh thu, sản lượng), chưa phản ánh đúng bản chất cạnh tranh

trong môi trường số — nơi có sự xuất hiện của các thị trường "giá bằng không" (zero-price), hiệu ứng mạng lưới và vai trò then chốt của dữ liệu. Hoa Kỳ, Nhật Bản và Úc cũng đang áp dụng các cách tiếp cận linh hoạt hơn trong việc xác định thị trường liên quan, đánh giá sức mạnh thị trường và kiểm soát hành vi lạm dụng trong môi trường nền tảng số, giảm dần tính hình thức và tăng cường phân tích kinh tế, hành vi và dữ liệu.

(iii) Trong quá trình xử lý các vụ việc cạnh tranh, yêu cầu về hoàn thiện một số quy định liên quan đến quy trình xử phạt vi phạm hành chính ngày càng rõ rệt nhằm bảo đảm phản ánh đúng bản chất của tổ tụng cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro khiếu nại về việc thực hiện trình tự, thủ tục trong tổ tụng cạnh tranh, tiết kiệm thời gian, nhân lực và nguồn lực hành chính, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ khiếu nại; từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan.

d) Đối với Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thực tiễn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 cho thấy quy định về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng còn có sự giao thoa, trùng lặp nhất định với các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đặc biệt liên quan đến khái niệm thông tin, phạm vi thu thập, mục đích sử dụng và cơ chế thể hiện sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo hướng làm rõ cơ chế thể hiện sự đồng ý/không đồng ý đối với từng mục đích, phạm vi thu thập và sử dụng thông tin, bảo đảm tính thông nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời tăng cường minh bạch và quyền tự quyết của người tiêu dùng đối với thông tin cá nhân.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước xác định việc tổ chức hoạt động thanh tra theo hướng tập trung đầu mối tại Thanh tra Chính phủ và thanh tra cấp tỉnh. Trong bối cảnh đó, việc duy trì chức năng thanh tra của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng không còn phù hợp với mô hình tổ chức thanh tra mới theo Luật Thanh tra năm 2025 và yêu cầu tinh gọn bộ máy, phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp chính quyền. Do vậy, cần sửa đổi quy định liên quan nhằm bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với thực tiễn tổ chức thực thi.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

1.1. Thực hiện đầy đủ chủ trương, chính sách tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/04/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

1.2. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

1.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

2.1. Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật về phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/04/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” do quy định của pháp luật tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

2.2. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất và tính khả thi của hệ thống pháp luật; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.3. Đổi mới mạnh mẽ quy trình, thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm tối đa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị.

2.4. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật trong lĩnh vực thương mại, cạnh tranh, quản lý ngoại thương và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, sự tiếp cận bình đẳng của mọi tổ chức, cá nhân đối với các cơ hội tham gia hoạt động thương mại và phát triển kinh tế, góp phần thúc đẩy môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, tạo điều kiện cho các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế, bao gồm cả các tổ chức, cá nhân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Công Thương đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự án Luật, phân công xây dựng chính sách.

2. Xây dựng hồ sơ chính sách theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Bộ Công Thương đã gửi các công văn số 448/BCT-PC, 449/BCT-PC và 450/BCT-PC ngày 21/01/2026 lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học đối với hồ sơ chính sách.

4. Bộ Công Thương đã phối hợp với Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội tổ chức hội nghị tham vấn chính sách đối với chính sách dự án Luật vào ngày

09/2/2026.

5. Bộ Công Thương đã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia đối với hồ sơ chính sách và bổ sung nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến vào Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến, đồng thời hoàn thiện hồ sơ chính sách.

6. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 79/BCTĐ-BTP ngày 12 tháng 3 năm 2026 tổ chức thẩm định hồ sơ chính sách.

7. Bộ Công Thương đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và trình Chính phủ hồ sơ chính sách tại Tờ trình số 2138/TTr-BCT và 2139/TTr-BCT ngày 30/3/2026.

8. Ngày 20/4/2026, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 3464/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc về việc giao Bộ Công Thương chủ trì, làm việc với các Bộ: Tài chính; Ngoại giao; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trao đổi, thống nhất, làm rõ một số nội dung tại hồ sơ chính sách Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3002/BCT-PC ngày 29/4/2026 gửi lấy ý kiến các Bộ (hạn trả lời trước 07/5/2026 và Công văn số 3182/BCT-PC ngày 06/5/2026 đôn đốc các Bộ sớm có ý kiến đối với 1 số nội dung liên quan đến chính sách của dự án Luật.

9. Ngày 14/5/2026, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 3390/TTr-BCT trình Chính phủ hồ sơ chính sách hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu, thống nhất ý kiến của các Bộ theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc tại Công văn số 3464/VPCP-KTTH nêu trên.

10. Ngày 01/6/2026, Chính phủ đã thông qua hồ sơ chính sách tại Nghị quyết số 141/NQ-CP.

11. Bộ Công Thương đã xây dựng hồ sơ dự thảo Luật và gửi đăng trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và Cổng Pháp luật quốc gia từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 để lấy ý kiến rộng rãi của người dân, doanh nghiệp.

Cùng ngày, Bộ đã có Công văn số 3957/BCT-PC và 3958/BCT-PC lấy ý kiến phản biện xã hội của MTTQVN; lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố.

Tính đến ngày 18/6/2026, Bộ Công Thương đã nhận được 111 văn bản góp ý đối với hồ sơ dự án Luật.

12. Ngày 20/6/2026, Bộ Công Thương đã gửi Công văn số /BCT-PC để Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định hồ sơ dự án Luật.

13. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số /BTP-HĐTĐ ngày 30/6/2026, Bộ Công Thương đã rà soát, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh: Sửa đổi, bổ sung một số quy định được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại tại Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong quá trình thực thi các Luật theo nội dung Tờ trình số 109/TTr-BTP ngày 19/7/2025 của Bộ Tư pháp và Tờ trình số 724/TTr-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ đề xuất đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026.

Đối tượng áp dụng của dự thảo là: tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định tại Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Luật gồm 5 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cạnh tranh 23/2018/QH14;

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15;

Điều 5. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Đối với Luật Thương mại

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Sửa đổi quy định Nhà nước thực hiện độc quyền có thời hạn về hoạt động thương mại đối với một số hàng hóa, dịch vụ (trừ lĩnh vực an ninh, quốc phòng) nhằm phù hợp với Hiến pháp và cam kết quốc tế.

b) Nội dung bổ sung

Bổ sung làm rõ khái niệm "hàng giả" chung cho các loại hàng hóa, loại bỏ các tiêu chí trùng lặp với pháp luật hình sự (như hàng kém chất lượng) hoặc pháp luật chuyên ngành (như thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật).

c) Nội dung lược bỏ

- Lược bỏ các quy định về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, chế tài và giải quyết tranh chấp trong thương mại nhằm thống nhất, tránh chồng chéo với các quy định về hợp đồng tại Bộ Luật Dân sự 2015.

- Lược bỏ quy định về hàng hoá/dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện; đề thống nhất với Luật Đầu tư; bãi bỏ quy định

về đấu giá hàng hoá để tránh chồng chéo với Luật Đấu giá tài sản.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

- Bãi bỏ điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định thương mại để phù hợp với quy định tại phụ lục IV Luật Đầu tư;

- Bãi bỏ các tiêu chuẩn giám định do kinh doanh để bảo đảm phù hợp với thực tiễn hoạt động giám định hiện nay, giảm bớt điều kiện gia nhập thị trường, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ giám định.

- Bãi bỏ thủ tục phải đăng ký dấu nghiệp vụ chứng thư giám định tại cơ quan có thẩm quyền nhằm cải cách hành chính triệt để, giúp doanh nghiệp tự do kinh doanh. Doanh nghiệp sẽ hoạt động theo những chuẩn mực nghề nghiệp của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội trong lĩnh vực này.

- Bãi bỏ thủ tục khi được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài và thủ tục cấp phép chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài.

Lý do: Ngày 18/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, Nghị quyết đã bãi bỏ hai thủ tục liên quan đến hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài, gồm: (i) thủ tục chấp thuận cho hàng hóa tham gia hội chợ, triển lãm và (ii) thủ tục chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa đã tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm.

Các thủ tục này hiện được quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2, 3 Điều 137 Luật Thương mại, đồng thời đã được phân quyền từ Thủ tướng Chính phủ sang các bộ, cơ quan ngang bộ theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, nội dung quản lý đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập để tham gia hội chợ, triển lãm đã được quy định tại Điều 42 Luật Quản lý ngoại thương, bao gồm cả trường hợp tiêu thụ hàng hóa tại nước ngoài.

Do đó, các quy định tại Luật Thương mại là trùng lặp và không còn cần thiết. Đồng thời, để tiếp tục cắt giảm chi phí tuân thủ, đề xuất sửa đổi Điều 42 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng chỉ yêu cầu cấp phép đối với hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu khi tạm xuất, tái nhập để tham gia hội chợ, triển lãm; bãi bỏ yêu cầu cấp phép đối với hàng hóa thuộc diện quản lý bằng giấy phép xuất khẩu. Đối với dịch vụ, trên thực tế chưa phát sinh trường hợp áp dụng.

d) Nội dung phân quyền, phân cấp

- Giao Chính phủ phân công Bộ, cơ quan ngang bộ quy định hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa/dịch vụ khuyến mại và mức giảm giá tối đa để hiện thực hóa quy định tại Điều 11 Nghị định 146/2026/NĐ-CP.

- Chuyển thẩm quyền đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài từ Bộ Thương mại (Bộ Công Thương) về Ủy ban nhân dân (UBND) cấp

tính đề phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị định 146/2026/NĐ-CP.

3.2. Đối với Luật Cạnh tranh

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Sửa đổi quy định về xác định thị trường liên quan, xác định thị phần và thị phần kết hợp, xác định sức mạnh thị trường đáng kể để phản ánh đúng bản chất và phù hợp với những tính chất, đặc thù riêng của mô hình kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh tế số, nơi dữ liệu, người dùng và hiệu ứng mạng đóng vai trò then chốt.

- Cải tiến quy định về tiếp nhận, xử lý và trả hồ sơ khiếu nại; bổ sung nội dung bắt buộc trong quyết định xử lý vụ việc.

- Hoàn thiện quy định về xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh theo hướng quy định rõ nội dung đặc thù về thời hiệu xử phạt, trình tự, thủ tục xử phạt đối với một số hành vi vi phạm (hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; hành vi vi phạm quy định về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền; hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế; hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh do cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý theo quy định của Luật Cạnh tranh).

- Sửa đổi mức phạt vi phạm tập trung kinh tế thành "không vượt quá 2 tỷ đồng hoặc 05% tổng doanh thu", đảm bảo tính cụ thể, minh bạch và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm (Hành vi không thông báo tập trung kinh tế là vi phạm về thủ tục hành chính, không trực tiếp gây ra hậu quả hạn chế cạnh tranh đáng kể trên thị trường nên phạt theo mức phạt cố định); Nâng mức phạt tiền tối đa đối với hành vi khác vi phạm quy định của Luật Cạnh tranh lên 2.000.000.000 đồng để đảm bảo tính răn đe và tương xứng với tính chất của hành vi "giúp sức" để doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh.

b) Nội dung bổ sung

- Bổ sung các tiêu chí đánh giá sức mạnh thị trường đáng kể trên không gian số (dữ liệu, hiệu ứng mạng, người dùng, thuật toán). Bổ sung hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh/độc quyền đặc thù của nền tảng số (ưu tiên hiển thị, ép buộc sử dụng dịch vụ trong hệ sinh thái, cản trở gỡ ứng dụng cài sẵn).

- Bổ sung hành vi "giúp sức" hoặc tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp khác thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh. Bổ sung hành vi cản trở qua lạm dụng giấy phép bán hàng và sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn.

- Bổ sung quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền khác đặc thù đối với nền tảng số tại điểm g khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Cạnh tranh để phù hợp với tính chất đặc thù trong mô hình kinh doanh của các nền tảng số, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi này trong Nghị định.

- Bổ sung quy định về thời hạn thực hiện quyết định về việc tập trung kinh

tế có điều kiện là cần thiết.

- Bổ sung quy định cho phép Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia được ủy quyền cho cấp phó ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi (tập trung kinh tế, cạnh tranh không lành mạnh) nhằm giảm tải công việc và tăng tốc độ xử lý.

c) Nội dung lược bỏ

- Lược bỏ hành vi xâm phạm thông tin bí mật kinh doanh do đã bị trùng lặp với Điều 127 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Bãi bỏ phí thẩm định hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm để thực hiện Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Bộ Công Thương.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

- Giao Chính phủ quy định các trường hợp tổ chức lại/mua lại doanh nghiệp không bị coi là tập trung kinh tế, loại trừ các giao dịch không tác động đến thị trường Việt Nam nhằm giảm chi phí tuân thủ.

- Cho phép nộp hồ sơ, văn bản tham vấn thông qua hình thức trực tuyến hoặc trực liên thông văn bản quốc gia để đơn giản hóa thủ tục. Giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ thông báo tập trung kinh tế và miễn trừ để đảm bảo đơn giản hóa theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

- Sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết; giảm thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm; giảm thời hạn ra quyết định về việc hưởng miễn trừ từ 60 ngày xuống còn 45 ngày để đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

- Giao Chính phủ quy định chi tiết thành phần hồ sơ thông báo tập trung kinh tế được đơn giản hóa theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

đ) Nội dung phân quyền, phân cấp

Không có.

3.3. Đối với Luật Quản lý ngoại thương

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Sửa đổi, bổ sung khái niệm “khu vực hải quan riêng” tại khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương nhằm làm rõ khu vực hải quan riêng bao gồm những khu nào, bao quát các khu được thành lập theo các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hiện nay (Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chính quyền địa phương), đồng thời có thể mở rộng các khu trong thời gian tới nhưng vẫn phải đảm bảo các quy định tại khoản này gắn với cơ quan có thẩm quyền thành lập.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 theo hướng Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và các trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ

tục cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong Danh mục.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32 theo hướng quy định Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa bao gồm: (i) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới dạng văn bản hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp cho thương nhân; (ii) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân tự phát hành.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 theo hướng quy định thẩm quyền áp dụng biện pháp chứng nhận xuất xứ hàng hóa bao gồm: (i) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa; (ii) Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ: Thực hiện quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa và nhiệm vụ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Quy định các tiêu chí cho cơ quan, tổ chức cơ quan, tổ chức chứng nhận xuất xứ hàng hóa..

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 theo hướng Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xác minh, hướng dẫn kiểm tra việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và cấp Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu..

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 theo hướng bỏ từ "nhà nước", thêm từ "tổ chức" có thẩm quyền cấp CFS để gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp do nhiều nước giao việc cấp CFS cho các Hiệp hội chuyên ngành.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 41 để đảm bảo thống nhất với nội dung đề xuất sửa đổi tại Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng giao Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp tạm nhập, tái xuất và trình tự, thủ tục cho phép tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu. Thương nhân phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất đối với hàng hóa chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 42 cho thống nhất với quan điểm quản lý hàng hóa tại Điều 41 theo hướng: Thương nhân được tạm xuất, tái nhập hàng hóa theo các trường hợp do Chính phủ quy định. Thủ tục tạm xuất, tái nhập thực hiện tại cơ quan hải quan, trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, thương nhân phải được cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy phép.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 51 theo hướng Thương nhân được nhận gia công hàng hóa hợp pháp cho thương nhân nước ngoài. Riêng đối với việc gia công hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu đề tiêu thụ ở nước ngoài phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép gia công theo trình tự, thủ tục do Chính phủ quy định.

b) Nội dung bổ sung

- Bổ sung khái niệm "Các biện pháp quản lý ngoại thương" để làm rõ và thống nhất cách hiểu trong quá trình áp dụng luật.

c) Nội dung lược bỏ

- Bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép gia công đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 2.001189);

- Bãi bỏ thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 1.002853);

Lý do: Ngày 18/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Theo đó, các nội dung nêu trên đã được đề xuất bãi bỏ.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Ngày 18/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Theo đó, đã đơn giản hóa các thủ tục sau:

- Thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (mã TTHC: 1.013770).

- Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (mã TTHC: 1.000957)

- Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (mã TTHC: 1.000905)

- Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh (mã TTHC: 1.013778).

đ) Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật sửa Luật Quản lý ngoại thương hiện thực hóa các nội dung phân quyền, phân cấp tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP bao gồm các nội dung sau:

- Phân quyền quyết định cho phép xuất/nhập khẩu hàng hóa cấm (trong một số trường hợp cụ thể) từ Thủ tướng Chính phủ xuống cho các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Theo đó, Luật quy định theo hướng Chính phủ phân công các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện.

- Bổ sung phân quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ cho UBND cấp tỉnh thực hiện.

- Phân quyền cấp phép quá cảnh hàng hóa vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; cấp phép quá cảnh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm Thủ tướng Chính phủ sang Bộ Công Thương và gia hạn thời gian quá cảnh cho UBND cấp tỉnh.

- Phân quyền cấp phép gia công hàng cấm từ Thủ tướng xuống UBND cấp tỉnh.

- Phân quyền quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh, trên cơ sở lấy ý kiến hoặc theo đề xuất của Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, trừ trường hợp pháp luật về thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật có quy định khác tại khoản 1 Điều 14 Luật cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3.4. Đối với Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Sửa đổi quy định để người tiêu dùng được lựa chọn "mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng thông tin", đảm bảo đồng bộ hoàn toàn với Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025.

b) Nội dung bổ sung

Không có.

c) Nội dung lược bỏ

- Chức năng thanh tra cấp huyện: Bỏ chức năng thanh tra về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của UBND cấp huyện để phù hợp với Luật Thanh tra 2025 (tập trung đầu mối thanh tra về Trung ương và Tỉnh).

- Nhiệm vụ cấp trên: Lược bỏ các nhiệm vụ quản lý tổ chức xã hội, giao nhiệm vụ cho tổ chức xã hội tại Điều 75 (Thẩm quyền trung ương) để chuyển hẳn xuống địa phương.

d) Nội dung phân quyền, phân cấp

- Từ Chính phủ/Thủ tướng xuống Bộ Công Thương: Chuyển thẩm quyền quy định chi tiết nhiều nội dung (như định nghĩa người có ảnh hưởng, quy định giao dịch với cá nhân độc lập, Ngày Quyền của người tiêu dùng, Danh mục hàng hóa đăng ký hợp đồng mẫu, sử dụng tiền bồi thường...) từ Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ sang cho Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Từ Trung ương xuống Địa phương: Chuyển giao thẩm quyền tiếp nhận và hỗ trợ giải quyết yêu cầu thương lượng của người tiêu dùng từ Bộ Công Thương xuống cho cơ quan quản lý tại địa phương (UBND cấp tỉnh). Chủ tịch UBND cấp tỉnh cũng được quyền ban hành bổ sung Danh mục hàng hóa phải đăng ký hợp đồng mẫu áp dụng tại địa phương.

- Từ cấp Huyện xuống cấp Xã: Bãi bỏ trách nhiệm quản lý của UBND cấp huyện (như quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kiểm tra tổ chức xã hội...) và chuyển giao trách nhiệm này trực tiếp xuống UBND cấp xã.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC

THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

1.1. Dự kiến nguồn nhân lực thực hiện

Việc triển khai thi hành Luật này trên cơ sở nguồn lực, điều kiện bảo đảm hiện có của Bộ Công Thương và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, không phát sinh biên chế, tổ chức bộ máy.

1.2. Dự kiến nguồn kinh phí để triển khai Luật

Kinh phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, tổ chức thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua sẽ được sử dụng đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Do vậy, việc bảo đảm nguồn lực, điều kiện cho việc thi hành Luật là hoàn toàn khả thi.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật

Để đảm bảo thi hành Luật, Bộ Công Thương dự kiến trình Chính phủ ban hành 06 Nghị định và 01 Thông tư quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật, cụ thể:

(i) Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; Nghị định số 20/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; Nghị định 125/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP; Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2018/NĐ-CP.

(ii) Nghị định bãi bỏ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

(iii) Nghị định sửa đổi Nghị định số 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh;

(iv) Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh;

(v) Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (thay thế Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

(vi) Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương (thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP).

(vii) Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sửa đổi.

3. Thời gian trình thông qua dự thảo Luật

Bộ Công Thương đề xuất Chính phủ đồng ý về việc trình Quốc hội khóa XVI cho ý kiến và thông qua dự án Luật này tại Kỳ họp thứ 2.

Trên đây là Tờ trình Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ Công Thương xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (5) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh, nghị quyết hiện hành; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (7) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (9) Các tài liệu khác có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các đơn vị: UBCTQG, TTTN, XNK, XTTM;
- Lưu: VT, PC (02).

BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng

PHỤ LỤC

**HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT
THƯƠNG MẠI, LUẬT CẠNH TRANH, LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI
THƯƠNG, LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BCT ngày tháng năm 2026
của Bộ Công Thương)*

Bộ Công Thương xin gửi kèm hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại mã QR dưới đây: